TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH K	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2023
Về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Nhì

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện U, tỉnh K. Có mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24-8-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị T và anh G quen biết nhau rồi đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn và

được UBND xã V, huyện A, Kiên G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 vào ngày 13/7/2015. Anh, chị sống chung có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 18/5/2016 và Nguyễn Thị Út T, sinh ngày 11/12/2017 (hiện đang sống với chị T).

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh G; về con chung xin được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu và không đồng ý với ý kiến yêu cầu chia của anh G vì số vàng, tiền đó không còn.

** Tại đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hoàng G trình bày, yêu cầu như sau:*

Anh và chị T kết hôn từ năm 2015, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Cuối năm 2020 chị T về bên cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 18/5/2016 và Nguyễn Thị Út T, sinh ngày 11/12/2017 hiện nay đang sống cùng với mẹ.

Đối với yêu cầu của chị T, anh G đồng ý ly hôn; về con mỗi người nuôi 01 đứa, anh nuôi cháu Út T, chị T nuôi cháu Phương T, không yêu cầu cấp dưỡng cùng nhau.

Về tài sản, nợ: anh G cho rằng khi đi chị T có giữ số tiền 25.000.000 đồng tiền bán lưới, 35.250.000 đồng tiền hốt hụi, vàng cưới 8,5 chỉ vàng 24k. Nợ tiền hụi chết ông D, bà P bằng 30.000.000 đồng anh G đã trả dứt. Anh G yêu cầu chia đôi số tiền 60.250.000 đồng và 8,5 chỉ vàng 24k (mỗi người 30.125.000 đồng và 4,25 chỉ vàng 24k) và chị T trả lại anh số tiền hụi anh đã đóng 15.000.000 đồng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh G; về con: giao chị T nuôi 2 con chung, anh G không cấp dưỡng nuôi con; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng G có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, anh G có văn bản trình bày và có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản và nợ chung. Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của anh G. Sau đó, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh G vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 vào ngày 13/7/2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị T và anh G đã thật sự trầm trọng. Sau khi cưới anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã có thời gian ly thân khá lâu mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T, anh G đồng ý ly hôn. Đồng thời anh G không tham gia các phiên hòa giải để thể hiện nguyện vọng của anh là muốn đoàn tụ. Từ đó cho thấy giữa anh chị mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh G.

[3] Về con chung, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 18/5/2016 và Nguyễn Thị Út T, sinh ngày 11/12/2017, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con; anh G yêu cầu mỗi người nuôi một đứa con. Thấy rằng yêu cầu, nguyện vọng của anh chị là chính đáng, xuất phát từ trách nhiệm và tình yêu thương của cha, mẹ dành

cho con. Tuy nhiên, việc giao con chưa thành niên cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải trên cơ sở đánh giá toàn diện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên.

Xét thấy, từ khi ly thân chị T đã trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho 02 đứa con; hiện tại 02 cháu đều được đi học (cháu nhỏ học mẫu giáo, cháu lớn học lớp 1). Được sự giúp đỡ của cha mẹ chị T có cuộc sống với thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Điều đó cho thấy thời gian qua chị T đã nuôi dạy con chu đáo; các cháu đều còn nhỏ cần tình thương và sự chăm sóc trực tiếp của mẹ; các cháu từ nhỏ đã sống chung nay nếu tách rời nhau sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống của các cháu. Trên cơ sở đánh giá toàn diện và quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Anh G có đơn yêu cầu phản tố Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố chia tài sản và nợ chung của anh G. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng anh G vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh G; anh G có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản và nợ chung mà anh G đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Hoàng G.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 18/5/2016 và Nguyễn Thị Út T, sinh ngày 11/12/2017, hiện đang sống chung với chị T, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hoàng G về việc yêu cầu chia tài sản và nợ chung với chị T. Anh G có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí, chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000994 ngày 31-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 1.660.000 đồng do anh Nguyễn Hoàng G nộp tại biên lai thu số 0001108 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A được sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: chị T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU